

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BIDV

Tầng 14, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Thư
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2012



Số: 148 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV được lập ngày 10 tháng 01 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 4 (trang 15) và số 10 (trang 17) trên thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

1 Le Phung Hieu, Ha Noi, Viet Nam | Tel.: +84-4-3824-1990/1 | Fax.: +84-4-3825-3973
aaschn@hn.vnn.vn | www.aasc.com.vn

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		365.071.532.296	1.294.314.570.371
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	115.944.526.441	909.140.718.120
111	1. Tiền		389.526.441	7.340.718.120
112	2. Các khoản tương đương tiền		115.555.000.000	901.800.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	243.170.779.585	351.041.327.680
121	1. Đầu tư ngắn hạn		281.143.362.644	406.816.672.886
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(37.972.583.059)	(55.775.345.206)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.670.567.506	33.968.141.910
131	1. Phải thu của khách hàng		5.460.542.330	5.886.885.106
132	2. Trả trước cho người bán		-	1.693.230.000
135	5. Các khoản phải thu khác	5	210.025.176	26.388.026.804
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		285.658.764	164.382.661
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.766.453	71.447.419
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	24.187.311	13.060.242
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	248.705.000	79.875.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		117.021.952.431	84.833.665.235
220	II. Tài sản cố định		359.734.719	578.996.951
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	359.734.719	571.170.895
222	- Nguyên giá		2.424.253.157	2.477.341.255
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.064.518.438)	(1.906.170.360)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	-	7.826.056
228	- Nguyên giá		54.026.970	54.026.970
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(54.026.970)	(46.200.914)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	116.479.871.870	83.882.664.320
258	3. Đầu tư dài hạn khác		116.479.871.870	134.623.871.870
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(50.741.207.550)
260	V. Tài sản dài hạn khác		182.345.842	372.003.964
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	182.345.842	372.003.964
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		482.093.484.727	1.379.148.235.606

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		209.816.234.881	1.111.658.373.133
310	I. Nợ ngắn hạn		209.816.234.881	1.111.658.373.133
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	35.101.457.986
312	2. Phải trả người bán		-	5.283.343.596
313	3. Người mua trả tiền trước		6.251.565.660	46.869.165.660
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.810.950	13.102.180
315	5. Phải trả người lao động		66.000	-
316	6. Chi phí phải trả	13	3.446.666.667	893.242.824
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	200.111.125.604	1.023.498.060.887
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		272.277.249.846	267.489.862.473
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	272.277.249.846	267.489.862.473
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		480.000.000.000	480.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(203.922.750.154)	(208.710.137.527)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		482.093.484.727	1.379.148.235.606



Lưu Tuyết Mai
Kế toán trưởng



Trần Anh Thư
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BIDVTầng 14, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại
Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	307.616.600	2.177.785.128
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		307.616.600	2.177.785.128
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		307.616.600	2.177.785.128
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	85.545.014.915	131.427.338.626
22	7. Chi phí tài chính	18	76.518.300.780	117.792.857.234
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.775.239.962	6.531.123.607
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.195.578.776	6.064.905.132
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		4.138.751.959	9.747.361.388
31	11. Thu nhập khác	19	9.665.736.618	3.562.581.231
32	12. Chi phí khác	20	9.017.101.204	2.741.325
40	13. Lợi nhuận khác		648.635.414	3.559.839.906
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.787.387.373	13.307.201.294
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.787.387.373</u>	<u>13.307.201.294</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	101	279



Lưu Tuyết Mai
Kế toán trưởng



Trần Anh Thư
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		191.132.096.524	467.882.305.978
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(62.526.576.990)	(547.636.211.509)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.110.231.924)	(2.489.257.236)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(45.168.295.521)	(6.583.266.323)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.899.925.115.159	7.400.740.845.690
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.720.960.029.830)	(6.587.203.214.660)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(739.707.922.582)	724.711.201.940
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(24.690.661)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.238.095	15.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(109.600.000.000)	(500.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.600.000.000	502.766.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.144.000.000	82.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.463.950.794	84.463.000.294
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.386.811.111)	169.720.127.815
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		101.231.241.488	56.837.212.822
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(136.332.699.474)	(124.185.100.130)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35.101.457.986)	(67.347.887.308)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(793.196.191.679)	827.083.442.447
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		909.140.718.120	82.057.275.673
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	115.944.526.441	909.140.718.120

Lưu Tuyết Mai
Kế toán trưởng



Trần Anh Thư
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2012